

Số: /BC-SCT

Hà Nam, ngày tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý III

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành.

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong quý III, Sở tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo đúng nội dung của Kế hoạch số 3821/KH-SCT ngày 22/12/2020 về kế hoạch CCHC năm 2021 đã được tập thể Lãnh đạo Sở thống nhất ban hành.

Bên cạnh đó, căn cứ vào tình hình thực tế Sở đã ban hành các văn bản liên quan đến các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính cụ thể:

- Đề án số 1075/ĐA-SCT ngày 02/8/2021 về việc sắp xếp, tinh giảm đầu mối các phòng chuyên môn thuộc Sở Công Thương;

- Kế hoạch số 967/KH- SCT ngày 13/7/2021 về việc thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Hà Nam năm 2021 của Sở Công Thương Hà Nam;

- Kế hoạch số 1217/KH-SCT ngày 27/8/2021 về việc thực hiện Kế hoạch số 2113/KH-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022.

Làm căn cứ triển khai có hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo đúng tiến độ, kế hoạch đã đề ra.

2. Về Kế hoạch CCHC

- Trong tình hình dịch bệnh Covid- 19 diễn biến phức tạp, căn cứ vào tình hình thực tế tại Sở, bám sát kế hoạch cải cách hành chính đã được xây dựng và phê duyệt Đảng ủy, Lãnh đạo Sở chỉ đạo các phòng chuyên môn triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo các mục tiêu: Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch, giảm tối đa thời gian, chi phí của các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong việc thực hiện

thủ tục hành chính (TTHC); nâng cao trách nhiệm, kỹ năng giải quyết các TTHC của cán bộ công chức; tạo cơ chế thống nhất trong phối hợp giữa các phòng, bộ phận và giữa các cán bộ công chức trong cơ quan, bảo đảm giải quyết công việc hiệu quả và chất lượng cao.

- Trong Quý III, các nhiệm vụ CCHC được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả theo đúng nội dung, tiến độ kế hoạch đề.

3. Công tác kiểm tra và công tác tuyên truyền.

3.1. Công tác kiểm tra.

- Công tác tự kiểm tra trong công tác CCHC của Sở được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, đúng quy định, thực chất theo đúng nội dung của Kế hoạch.

- Trong quý III, Lãnh đạo Sở tiếp tục chỉ đạo Văn phòng Sở làm đầu mối triển khai kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, thụ lý giải quyết, trả kết quả TTHC, cam kết không để tình trạng giải quyết TTHC chậm thời gian so với quy định.

3.2. Công tác tuyên truyền.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 126/KH-SCT ngày 29/01/2021 và tổ chức quán triệt các giải pháp tuyên truyền CCHC đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở cũng như tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên toàn địa bàn tỉnh.

- Quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử, hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc, nhằm đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng.

- Đẩy mạnh, kịp thời đăng tải thông tin về nhiệm vụ cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính lên Cổng thông tin điện tử Sở; tuyên truyền các thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4,... Trong quý III, đã tổ chức tiếp nhận và trả lời 06 ý kiến hỏi đáp của tổ chức, công dân về thủ tục hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

Công tác tham mưu xây dựng văn bản nói chung, VBQPPL nói riêng là một trong những nhiệm vụ quan trọng, Đảng ủy, Lãnh đạo Sở chỉ đạo bộ phận chuyên môn chủ động nghiêm cứu đổi mới công tác theo dõi, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL thuộc lĩnh vực chuyên môn ngành quản lý đảm bảo kịp thời,

chất lượng, phù hợp, thống nhất với các quy định của Hiến pháp, pháp luật hiện hành, đảm bảo nội dung Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ và đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

1.2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền.

- Chủ động rà soát VBQPPL, thể chế, cơ chế, chính sách về lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp, thương mại.

- Căn cứ Chương trình công tác đã được UBND tỉnh giao, Sở đã chủ động, phối hợp triển khai xây dựng các chương trình, đề án trình UBND tỉnh đảm bảo tiến độ và chất lượng đáp ứng sự cần thiết, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.

1.3. Xây dựng, tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

a) Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

Trong Quý III, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định liên quan đến các quy định, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực ngành quản lý nhà nước của Ngành tại địa phương cụ thể:

- Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu hàng hóa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh Hà Nam sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương Hà Nam.

b) Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL).

Trong kỳ báo cáo, Sở đã thực hiện tốt Kế hoạch số 58/KH-SCT ngày 14/01/2021 về tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh Hà Nam, tính đến thời điểm báo cáo Sở đã tham gia, đánh giá 11 Thông tư, ban hành đã hết hiệu lực của Bộ Công Thương theo văn bản yêu cầu số 3696/BCT-PC ngày 24/6/2021 của Bộ Công Thương.

c) Tổ chức và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

- Thực hiện Kế hoạch số 104/KH-SCT ngày 22/01/2021 về triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Công Thương năm 2021; Kế hoạch số 105/KH-SCT ngày 22/01/2021 về thực hiện công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực Công Thương năm 2021, trong Quý III Sở đã tiến hành 01 cuộc thanh tra đối với 02 doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản nội dung thanh tra là việc quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Tuy nhiên, do diễn phức tạp của đại dịch Covid-19 các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch cũng chủ động xin hoãn, dừng lịch kiểm tra, do vậy hoạt động theo dõi thi hành pháp luật cũng hạn chế.

- Đối với tình hình vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực công thương nhìn chung không tăng về số lượng, quy mô và tính chất vi phạm.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC).

2.1. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành.

- Sở đã thực hiện tốt công tác cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước về công nghiệp thương mại tại địa phương theo quy định của Chính phủ, của Bộ Công Thương và theo đặc thù của tỉnh, tính đến thời điểm báo cáo, bộ TTHC của Sở gồm 127 TTHC trên 17 lĩnh vực chuyên môn quản lý, tất cả các TTHC đều được thực hiện trên cổng dịch vụ công trực tuyến, trong đó 41 TTHC được thực hiện mức độ 4, 86 TTHC được thực hiện mức độ 3.

- Thực hiện tốt quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC đã được xây dựng thực hiện công khai trên phần mềm một cửa.

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính.

a) Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-SCT ngày 04/01/2021 của Sở về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021, quý III Sở đã tiến hành rà soát, đăng ký kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ xử lý thủ tục hành chính đối với 17 thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa TTHC.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 36/KH-SCT ngày 11/01/2021 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 của Sở.

c) Về công khai thủ tục hành chính.

- Thực hiện Cập nhật, niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời đúng quy định các TTHC theo đúng quy định tại Thông tư 02/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của

Văn phòng Chính phủ. Đăng tải đầy đủ nội dung Bộ TTHC lên Cổng dịch vụ công; Hệ thống một cửa điện tử (VNPT).

- Tiếp tục duy trì chuyên mục “hệ thống tiếp nhận trả lời phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp” trên Trang thông tin điện tử của Sở, nhằm hướng dẫn, giải đáp, xử lý các ý kiến của tổ chức, cá nhân về TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết. Trong quý III, Sở không nhận được trường hợp nào phản ánh kiến nghị quy định về hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Kết quả rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế.

- Trong kỳ báo cáo Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 của UBND tỉnh Hà Nam quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Công Thương tỉnh Hà Nam. Hoàn thiện tổ chức sát nhập phòng Quản lý xuất nhập khẩu và phòng Quản lý Thương mại. Tính đến thời điểm báo cáo, Sở còn 07 phòng chuyên môn, 2 đơn vị sự nghiệp (giảm 01 đầu mỗi hành chính).

- Đối với công tác quản lý biên chế: Thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Sở và ngành dọc cấp dưới.

Sở đã ban hành Kế hoạch số 304 /KH-SCT ngày 11/3/2021 về việc thực hiện công tác kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của đơn vị trực thuộc. Thời gian dự kiến tiến hành tổ chức kiểm tra trong quý IV năm 2021.

3.3. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp dịch vụ công lập.

Tiếp tục thực hiện nghiêm cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Sở đã ban hành Quyết định 142/QĐ-SCT ngày 30/12/2020 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021 cho Văn phòng Sở, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở.

3.4. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Chấp hành và thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Thường xuyên duy trì bố trí 01 cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường trực tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của Tỉnh, hướng dẫn tận tình tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, liên hệ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện một cửa liên thông một cách thuận lợi, công khai, minh bạch.

- Tính từ 16/6/2021 đến 14/9/2021, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận 2.830 bộ hồ sơ, trong đó tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ Bưu chính công ích là 23 hồ sơ, hồ sơ tiếp nhận online 2.807 hồ sơ. Hồ sơ đã giải quyết và trả kết quả 2.826 hồ sơ; hồ sơ đang thụ lý chưa đến hạn trả kết quả 04 hồ sơ. Tất cả các hồ sơ đều được thụ lý giải quyết trả kết quả trước và đúng thời gian quy định, không có hồ sơ trả chậm

4. Xây dựng đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

- Thường xuyên rà soát, đánh giá đội ngũ công chức hành chính để cơ cấu lại công chức, bố trí lại theo từng vị trí, rõ chức trách. Xây dựng và đưa vào thực hiện phương pháp khoa học đánh giá kết quả công tác của cán bộ, công chức.

- Tính đến thời điểm báo cáo tổng số biên chế có mặt gồm có 41 biên chế công chức, 11 biên chế viên chức, 04 biên chế hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP. Việc sử dụng, sắp xếp, bố trí và quản lý công chức của Sở được thực hiện đảm bảo theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng công chức, viên chức.

4.2. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Sở đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-SCT ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc giao chỉ tiêu biên chế năm 2021, chỉ đạo tổ chức bố trí, sắp xếp theo đúng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Bên cạnh đó, Sở đã ban hành Kế hoạch số 78/KH-SCT, ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc chuyển đổi vị trí công tác năm 2021, chỉ đạo Bộ phận chuyên môn chủ động tổ chức rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế nhằm điều chỉnh, kiện toàn, sắp xếp kịp thời, rõ ràng và phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Sở.

- Thực hiện đúng chính sách khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ công chức, viên chức thuộc Sở nhằm kịp thời động viên khích lệ sự sáng tạo, phấn đấu trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ công chức trong toàn ngành.

4.3. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Sở đã ban hành Kế hoạch số 1537/KH-SCT ngày 16/11/2020 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức năm 2021, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị cho cán bộ của cơ quan.

- Quý III, Sở đã đăng ký cho 03 đồng chí tham gia lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở và tương đương; 13 người tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng; bồi dưỡng ngạch chuyên viên 05 người; ngạch chuyên viên chính 01 người; lớp bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 3 cho 01 người.

4.4. Về cải cách công vụ, đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

- Trong Quý III, Sở đã tiến hành sát nhập phòng Quản lý Xuất nhập khẩu với phòng Quản lý Thương mại và hoàn thiện quy trình lấy phiếu tín nhiệm bổ nhiệm vị trí Trưởng phòng Quản lý Thương mại, 02 vị trí phó phòng. Thực hiện luân chuyển điều động 02 vị trí.

- Căn cứ chức trách nhiệm vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động, tập thể lãnh đạo sở tổ chức họp đánh giá, phân loại đối với từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được lãnh đạo sở ký duyệt, thông báo trên mạng nội bộ và lưu hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện nghiêm các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005; Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

- Việc công khai các chế độ, định mức, tiêu chuẩn: Được thực hiện qua việc ban hành Quyết định số 06/QĐ-SCT ngày 26/01/2021 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của Sở và các đơn vị trực thuộc.

6. Hiện đại hoá nền hành chính

6.1. Ứng dụng CNTT trong cơ quan hành chính nhà nước.

- Lãnh đạo Sở chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của cơ quan.

- Thực hiện việc ứng dụng phần mềm quản lý Hệ thống quản lý văn bản điều hành trong triển khai quy trình xử lý văn bản. Tính đến thời điểm báo cáo (01/01 đến 14/9/2021), tổng số văn bản đến 4.002 VB, trong đó số lượng văn bản đến nhận dưới dạng hoàn toàn điện tử là 2.487, văn bản đến nhận dưới dạng điện tử song song là 1.473, văn bản dưới dạng bản giấy là 42 bản. Số lượng văn bản đi là 1.467 VB, trong đó số lượng văn bản gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử là 1.391 VB, tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử là 94,8 % . Văn bản có chữ ký số 1.456 bản.

- Sở thường xuyên đăng tải và cập nhật thông tin lên trang thông tin điện tử của Sở. Quý III, Sở đã đăng tải trên 41 tin bài nội dung có chất lượng, phong phú.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động.

- Việc áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tiếp tục được duy trì tốt trong mọi hoạt động của cơ quan, trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành; giúp cho Lãnh đạo Sở kiểm soát được quá trình giải quyết công việc của toàn thể cán bộ công chức, viên chức trong nội bộ cơ quan, để kịp thời chỉ đạo, xử lý không để xảy ra tình trạng hồ sơ quá hạn và hồ sơ kém chất lượng hoặc có ý kiến phản ánh, kiến nghị từ người dân.

- Nâng cao ý thức cho toàn thể cán bộ, công chức trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ; đặc biệt rút ngắn được thời gian giải quyết TTHC, chất lượng công việc được nâng lên; thuận lợi trong công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu tại nơi làm việc có hệ thống, khoa học, hợp lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm.

- Đảng ủy, Lãnh đạo Sở luôn quan tâm đến công tác CCHC, trong quý III công tác CCHC được chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện trên các nội dung về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính theo đúng kế hoạch đề ra. Các văn bản chỉ đạo điều hành về công tác CCHC được ban hành đảm bảo chất lượng theo đúng quy định.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin được tăng cường sử dụng, phần mềm quản lý văn bản được luân chuyển trong nội bộ cơ quan dưới dạng điện tử, chữ ký số được tăng cường sử dụng.

2. Tồn tại, hạn chế.

Chưa thực hiện việc rà soát, đánh giá bãi bỏ TTHC không có phát sinh hồ sơ tại địa phương nhằm tinh gọn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

3. Nguyên nhân.

Cán bộ thực hiện đầu mối kiểm soát TTHC kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực chưa dành nhiều thời gian cho việc kiểm soát TTHC.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2021

1. Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch CCHC năm 2021 đã được Lãnh đạo Sở phê duyệt.

2. Triển khai kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các phòng chuyên môn và Kế hoạch kiểm tra hoạt động và tổ chức bộ máy của các đơn vị trực thuộc.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ việc ứng dụng Hệ thống

quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.

4. Thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí theo các Nghị định số 130/2005/NĐCP, ngày 17/10/2005; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện tốt công tác quản lý, chế độ nâng lương thường xuyên với cán bộ, công chức, viên chức cũng như thực hiện tốt công tác bình xét thi đua, khen thưởng trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

5. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp nhận và trả kết quả TTHC của đơn vị.

6. Rà soát, đánh giá hoàn thiện tự chấm điểm cải cách hành chính năm 2021 của đơn vị.

Sở Công Thương trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Nguyên Ngọc

Phụ lục I
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH; ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SCT ngày tháng 9 năm 2021 của Sở Công Thương)

| S TT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|--------------------------------------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1 | Công tác chỉ đạo điều hành | | | |
| 1.1 | Kế hoạch CCHC | | | |
| 1.1.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong CCHC | Nhiệm vụ | 7 | |
| 1.1.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 5 | Còn 02 nhiệm vụ đang triển khai theo đúng kế hoạch đề ra |
| 1.1.3 | Số Văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành | Văn bản | 16 | |
| 1.2 | Kiểm tra CCHC | | | |
| 1.2.1 | Số phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc đã được kiểm tra | | 0 | Thời gian dự kiến tiến hành kiểm tra trong tháng 10 năm 2021 |
| 1.2.2 | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | | | |
| 1.2.3 | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | | | |
| 1.3 | Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao, chủ tịch UBND tỉnh giao | | | |
| 1.3.1 | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 10 | |
| 1.3.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 07 | |
| 1.3.3 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 | |
| 1.4 | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức | | | |
| 1.4.1 | Số lượng phiếu khảo sát | | | |
| 1.4.2 | Hình thức khảo sát | | | |
| 1.5. | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | | 0 | |
| 2 | Cải cách thể chế | | | |
| 2.1 | Số VBQPPL đã ban hành/ tham mưu ban hành | Văn bản | 02 | |

| | | | | |
|----------|------------------------------------------------------------|-----------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.2. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 0 | |
| 2.3. | Số VBQPPL đã rà soát | Văn bản | 11 | |
| 2.4. | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát | Văn bản | 11 | |
| 2.5. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |
| 3 | Cải cách thủ tục hành chính | | | |
| 3.1. | Thống kê TTHC | | | |
| 3.1.1 | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | 0 | |
| 3.1.2. | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 0 | |
| 3.1.3. | Tổng số TTHC đang có hiệu lực | Thủ tục | 127 | |
| 3.2. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | | |
| 3.2.1. | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ | % | 100 | |
| 3.2.2. | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa | % | 100 | |
| 3.3. | Kết quả giải quyết TTHC | % | 99,85 | Trong quý tiếp nhận 2830 hồ sơ đã thụ lý giải quyết và trả kết quả 2826 hồ sơ (đạt 99.85%), hồ sơ đang thụ lý chưa đến hạn trả kết quả 04 hồ sơ (đạt 0.15%) |
| 3.3.1 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do sở tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 100 | |
| 4 | Cải cách tổ chức bộ máy | | | |
| 4.1. | Cơ cấu tổ chức bộ máy | | | |
| 4.1.1. | Số phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc | Cơ quan, đơn vị | 09 | |
| 4.1.2. | Số phòng | | 07 | |
| | Số đơn vị sự nghiệp | | 02 | |
| 4.2. | Số liệu về biên chế công chức | | | |
| 4.2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 41 | |
| 4.2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 41 | |
| 4.2.3. | Số hợp đồng làm việc tại cơ quan, đơn vị | Người | 04 | Hợp đồng theo ND 161 |

| | | | | |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----|--|
| 4.2.4 | Số biên chế đã tính giảm trong kỳ báo cáo | Người | 0 | |
| 4.2.5 | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tính giảm so với năm 2021 | % | | |
| 4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc | Người | 11 | |
| 4.3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | 11 | |
| 4.3.2. | Tổng số người làm việc có mặt | Người | 11 | |
| 4.3.3. | Số người đã tính giảm trong kỳ báo cáo | Người | 0 | |
| 4.3.4. | Tỷ lệ % đã tính giảm so với năm 2015 | % | | |
| 5 | Cải cách chế độ công vụ | | | |
| 5.1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| 5.1.1. | Số phòng, đơn vị trực thuộc đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 09 | |
| 5.2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | |
| 5.2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 41 | |
| 5.2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 0 | |
| 5.2.3. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 17 | |
| 5.2.4. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 0 | |
| 5.3. | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo | | | |
| 5.3.1. | Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển | | | |
| 5.3.2. | Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| 5.3.3. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| 5.4. | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng, chính quyền) | | | |
| 5.4.1. | Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 5.4.2. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL trực thuộc bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 6. | Cải cách tài chính công | | | |
| 6.1. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (Lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | 01 | |

| | | | | |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|-------|
| 6.2. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | 01 | |
| 6.3. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | 0 | |
| 6.4. | Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | 01 | |
| 6.5. | Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo) | | 0 | |
| 7 | Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số | | | |
| 7.1. | Dịch vụ công trực tuyến | | | |
| 7.1.1. | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 | TTHC | 86 | |
| 7.1.2. | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 | TTHC | 41 | |
| 7.1.3. | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3 | % | 16,28 | 14/86 |
| 7.1.4. | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4 | % | 100 | |